

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/DS-PT.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018.

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền
sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản
gắn liền với đất; Kiện đòi giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất; Yêu cầu tuyên bố di
chức vô hiệu; Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng,
Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- *Thư ký tòa án:* Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:* Bà Nguyễn Thị Tuyết-Kiểm sát viên, tham gia phiên toà.

Trong các ngày 11/6/2018 và ngày 10/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 24/2018/TLPT- DS ngày 26/3/2018 về việc " Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; Kiện đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu; Tranh chấp về thừa kế tài sản ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Toà án nhân dân huyện LNg bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐ-PT ngày 09/5/2018, quyết định hoãn phiên toà số: 42/2018/QĐ-PT ngày 22/5/2018, quyết định tạm ngừng phiên toà số: 06/2018/QĐ-PT ngày 11/6/2018, thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên toà số: 195/2018/TB-TA ngày 09/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1), sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm 8, thôn TPh, xã KL, huyện GiL, TP. Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Khúc Văn Ch2, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Ch2: Ông Đỗ Quang L1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn PhKh, xã PhS, huyện LNg (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Khúc Thị Hằng H1, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Anh Khúc Văn Ph1, sinh năm 1994 (Có mặt).

3.2. Anh Khúc Văn Ph1, sinh năm 1994 (Có mặt).

Đều địa chỉ: Xóm 8, thôn TPh, xã KL, huyện GiL, TP Hà Nội.

3.3. Bà Đặng Thị L2, sinh năm 1968 (Có mặt).

3.4. Ông Đặng Văn Kh1, sinh năm 1966 (Có mặt).

3.5. Bà Trần Thị Ch3, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà L2: Ông Đỗ Quang L1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn PhKh, xã PhS, huyện LNg (Có mặt).

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Nguyễn Thị Ch1- Là nguyên đơn.

4.2. Ông Khúc Văn Ch2 - Là bị đơn.

5. Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2016, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/02/2017 và ngày 09/6/2017, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch1trình bày: Bà kết hôn với ông Khúc Văn Tiến năm 1991, vợ chồng bà sinh được hai người con là Khúc Thị Hằng H1, sinh năm 1992 và Khúc Văn Ph1, sinh năm 1994. Cả gia đình sinh sống và cư trú tại thôn Trung Quan, xã Văn Đức, huyện GiL, thành phố Hà Nội. Năm 2002 vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng một mảnh đất có diện tích 135m² tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc diện tích đất này là của ông Khúc Văn Ch2 (anh trai ông Khúc Văn Tiến) bán lại cho vợ chồng bà với giá 16 triệu đồng. Ngày 06/6/2007 vợ chồng bà đã được UBND huyện LNg cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (số vào sổ cấp GCN: H05165) mang tên người sử dụng đất là hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột. Năm 2012 vợ chồng bà có mâu thuẫn nên khoảng tháng 7/2012 ông Tiến mang tiền của vợ chồng (150 triệu đồng) về Thôn A, xã PhS để mua vật liệu, chuẩn bị làm nhà, tháng 9/2012 thì xây xong một căn nhà cấp 4 có diện tích 40m² tại thửa đất 135m² mà vợ chồng bà đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận. Trong nhà có một số vật dụng như một bộ bàn ghế uống nước, một tủ thờ, tủ đựng tivi và một số vật dụng nấu ăn mang từ nhà ở Gia Lâm lên. Toàn bộ quá trình xây dựng nhà, mua bán nguyên vật liệu, thuê nhân công ... là do ông Tiến tự liên hệ, bà không chứng kiến việc xây dựng và không tham gia vào những việc này. Ngày 31/10/2012 vợ chồng bà được Tòa án nhân dân huyện GiL, thành phố Hà Nội giải quyết ly hôn. Về tài sản chung vợ chồng bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo bà những tài sản mà vợ chồng bà tạo dựng được ở Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang là diện tích đất 135m², một ngôi nhà

cấp 4 có diện tích 40m² cùng những tài sản trên đất đều được vợ chồng thỏa thuận để lại cho hai người con là Khúc Thị Hằng H1 và Khúc Văn Ph1, việc thỏa thuận này chỉ nói miệng chứ không lập thành văn bản nào, không có cơ quan nào chứng thực hay xác nhận. Khoảng cuối năm 2013 ông Khúc Văn Tiến bị bệnh, tháng 3/2014 ông Tiến chết. Sau khi ông Tiến chết được 100 ngày thì ông Ch2 thông báo cho bà và các con của bà biết việc ông Khúc Văn Tiến để di chúc. Theo nội dung bản di chúc này thì ông Tiến để lại toàn bộ tài sản là diện tích 135m² đất, một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: H05165) do UBND huyện LNg cấp ngày 06/6/2007 mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Ch1 và một nhà cấp 4 diện tích 40m² tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang cho ông Khúc Văn Ch2. Cũng từ thời điểm này ông Ch2 quản lý toàn bộ di sản của ông Tiến để lại đồng thời ông Ch2 ngăn cản không cho bà và các con đến thăm nom, thắp hương cho ông Tiến. Nay bà khởi kiện yêu cầu:

- Tuyên bố di chúc ngày 11/02/2014 của ông Khúc Văn Tiến là không hợp pháp và vô hiệu toàn bộ.

- Công nhận cho bà và các con là người có quyền sử dụng diện tích đất 135m², có quyền sở hữu một nhà cấp 4 diện tích 40m² cùng các tài sản gắn liền với đất tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang.

- Yêu cầu ông Khúc Văn Ch2 trả lại quyền sử dụng đất diện tích 135m², một nhà cấp 4 diện tích 40m² cùng tài sản gắn liền với đất tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang.

- Yêu cầu ông Khúc Văn Ch2 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: H05165) do UBND huyện LNg cấp ngày 06/6/2007 mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột.

Bị đơn ông Khúc Văn Ch2 trình bày: Gia đình ông quê quán ở xã Văn Đức, huyện GiL, thành phố Hà Nội. Bố mẹ ông sinh được 05 người con trai, ông là con trai thứ hai và là anh của ông Khúc Văn Tiến. Ông Tiến và bà Ch1 kết hôn năm 1991 và ở cùng bố mẹ ông đến năm 1999 thì vợ chồng ông Tiến, bà Ch1 chuyển về ở với bố mẹ bà Ch1 tại thôn TPh, xã KL, huyện GiL, thành phố Hà Nội. Năm 2002 ông có chuyển nhượng cho ông Tiến một mảnh đất có diện tích 135m² tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang với giá 16 triệu đồng. Khi đó trên đất chưa xây dựng công trình gì, chỉ có 03 cây vải (hiện nay còn 02 cây). Ông Tiến chỉ mua đất để cấy, còn vẫn sinh sống cùng mẹ con bà Ch1 ở Gia Lâm. Việc mua bán diện tích đất này ông chỉ làm việc với ông Tiến, còn ông Tiến có bàn bạc gì với bà Ch1 không thì ông không biết. Năm 2007 diện tích này đã được UBND huyện LNg cấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Ch1 (Ông là người trực tiếp đi làm các thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên). Khoảng cuối năm 2012, ông Tiến từ Gia Lâm, Hà Nội lên nhà ông và nói "Vợ chồng em đã giải quyết ly hôn, anh cho em ở nhờ", sau đó ông Tiến có đặt vấn

đề nhờ vợ chồng ông vay mượn tiền để xây nhà cho ông Tiến ở. Do thương ông Tiến mới ly hôn, hoàn cảnh rất đáng thương, không có nhà để ở nên vợ chồng ông đã đi hỏi vay tiền của anh Lưu Văn Trường (người cùng thôn) số tiền 80 triệu đồng. Sau khi vay được tiền thì ông là người trực tiếp đi mua nguyên vật liệu, gọi thợ xây, người khoan giếng, người làm trần tôn. Ngày 16/12/2012 (âm lịch) công trình nhà cấp 4 có diện tích 40m² hoàn thành trên diện tích đất 135m² và ông Tiến chuyển sang ở nhà mới. Toàn bộ chi phí làm nhà hết 71 triệu đồng, khoan giếng hết 4.800.000 đồng; Mua téc đựng nước hết 2.100.000 đồng; Đóng tiền lệ phí điện cho xóm hết 1.800.000 đồng. Tất cả tiền làm nhà này là do ông vay của anh Lưu Văn Trường (hiện tại ông đã trả nợ xong cho ông Trường), ông Khúc Văn Tiến không đóng góp công sức hay tiền bạc gì vào việc xây dựng căn nhà này. Sau khi có nhà mới để ở thì ông Tiến đi làm thuê (bốc gạch thuê) ở gần nhà để kiếm sống, mẹ con bà Ch1 không bao giờ thấy đến thăm hỏi hay quan tâm gì đối với ông Tiến. Khoảng cuối năm 2013, phát hiện ông Tiến bị bệnh gan, ông đã đưa ông Tiến đi chạy chữa ở nhiều nơi nhưng không khỏi bệnh, đến ngày 06/01/2014 (âm lịch) ông Tiến thấy tình trạng bệnh nặng nên ông có thông báo họp gia đình để tìm cách lo cho ông Tiến. Ông Tiến có nhờ ông chạy chữa bệnh tật cho mình và nói "em giao trách nhiệm cho anh chạy chữa cho em, tốn kém bao nhiêu anh phải lo, nếu em khỏi bệnh thì em làm trả sau, nếu em không qua khỏi thì em để lại di chúc cho anh". Ngày 11/02/2014 ông Tiến có lập di chúc để lại toàn bộ tài sản là diện tích đất 135m² và một nhà cấp 4 có diện tích 40m² tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg cho ông quản lý. Do lúc lập di chúc ông Tiến bị bệnh nặng nên tay run, không viết được, ông Tiến có nhờ ông Đặng Văn Long là người cùng thôn viết hộ bản di chúc, sau đó ông Long ký tên vào đó, ngoài ông Long thì không còn có ai khác là người là chứng. Hôm sau (tức ngày 12/02/2014) ông chở ông Tiến lên UBND xã PhS để xin chứng thực di chúc.

Ngày 16/3/2014 ông Tiến chết. Toàn bộ tài sản ông Tiến để lại cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Ch1 do ông là người quản lý.

Do phải trả ông Lưu Văn Trường khoản tiền làm nhà cho ông Tiến và chi phí chạy chữa bệnh tật cho ông Tiến nên năm 2016, ông có vay của ông Đặng Văn Kh1 (người cùng thôn) số tiền 170 triệu đồng và ông giao cho ông Kh1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Ch1 để thế chấp. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vẫn do ông Kh1 quản lý.

Nay bà Nguyễn Thị Ch1 khởi kiện với những yêu cầu như trên thì ông không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án ông đã được Tòa án giải thích về quyền được đưa ra yêu cầu phản tố nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên ông chưa có đơn yêu cầu phản tố nộp cho Tòa án. Tại văn bản đề "Bản phản tố" ngày 19/11/2017

ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo nội dung di chúc, đồng thời bác bỏ toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Chuột.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Khúc Văn Ph1 trình bày: Anh là con của ông Khúc Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Chuột. Di sản mà ông Khúc Văn Tiến để lại tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang là diện tích đất 135m², một nhà cấp 4 có diện tích 40m² có nguồn gốc công sức đóng góp của anh từ việc chăn nuôi, đi làm thuê lấy tiền đưa cho bố mẹ. Khối tài sản đó là tài sản chung của gia đình anh, do vậy nay anh yêu cầu ông Khúc Văn Ch2 phải trả lại những tài sản trên.

Tại đơn đề ngày 06/11/2017 anh Khúc Văn Ph1 đưa ra yêu cầu độc lập. Đề nghị Tòa án bác bỏ quyền thừa kế của ông Khúc Văn Ch2 theo di chúc của ông Khúc Văn Tiến, đồng thời công nhận quyền thừa kế của anh trong khối di sản của ông Khúc Văn Tiến để lại. Anh chỉ yêu cầu Tòa án công nhận quyền được hưởng thừa kế chứ không yêu cầu phân chia cụ thể.

2. Chị Khúc Thị Hằng H1 trình bày: Chị là con của ông Khúc Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Chuột. Di sản mà ông Khúc Văn Tiến để lại tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang gồm diện tích đất 135m², một nhà cấp 4 có diện tích 40m² có nguồn gốc công sức đóng góp của chị từ việc chăn nuôi giúp gia đình. Khối tài sản đó là tài sản chung của gia đình chị, do vậy nay chị yêu cầu ông Khúc Văn Ch2 phải trả lại những tài sản trên cho chị và gia đình chị. Do bận công việc riêng nên chị có văn bản ủy quyền cho anh Khúc Văn Ph1 là người đại diện cho chị tham gia tố tụng tại Tòa án trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại đơn đề ngày 06/11/2017 chị Khúc Thị Hằng H1 (Do anh Khúc Văn Ph1 là người đại diện theo ủy quyền) đưa ra yêu cầu độc lập. Đề nghị Tòa án bác bỏ quyền thừa kế của ông Khúc Văn Ch2 theo di chúc của ông Khúc Văn Tiến, đồng thời công nhận quyền thừa kế của chị H1 trong khối di sản của ông Khúc Văn Tiến để lại. Chị chỉ yêu cầu Tòa án công nhận quyền được hưởng thừa kế chứ không yêu cầu phân chia cụ thể.

3. Bà Đặng Thị L2 trình bày: Bà là vợ của ông Khúc Văn Ch2, nguồn gốc diện tích 135m² đứng tên ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Ch1 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang là do năm 2002, chồng bà bán lại cho ông Tiến với giá 16 triệu đồng. Cuối năm 2012, sau khi ông Tiến ly hôn với bà Ch1 thì ông Tiến đi một chiếc xe máy cũ lên nhà bà xin ở nhờ vì chưa có tiền làm nhà, vợ chồng bà cho ông Tiến ở nhờ, ông Tiến đi làm thuê ở quanh xã lấy tiền ăn tiêu. Cũng khoảng cuối năm 2012, ông Tiến nhờ vợ chồng bà vay tiền để làm nhà ở. Vợ chồng bà thương hoàn cảnh của em nên đã đi vay của ông Lưu Văn Trường (cùng thôn) số tiền 80 triệu đồng. Khi đã vay được tiền thì chồng bà là ông Khúc Văn Ch2 trực tiếp đi mua nguyên vật liệu và thuê thợ làm nhà cho ông Tiến. Chi phí làm nhà hết 71 triệu đồng, số tiền vay của ông Trường hiện chồng bà đã trả xong

nhưng chồng bà phải đi vay của ông Đặng Văn Kh1 để trả nợ cho ông Trường. Việc vay tiền của ông Kh1 do một mình chồng ký kết với ông Kh1, các bên thỏa thuận lãi suất, thời hạn thanh toán cụ thể như thế nào thì bà không được rõ.

Như vậy trên diện tích đất 135m² của ông Tiến, chồng bà (ông Khúc Văn Ch2) đã vay mượn tiền để xây cho ông Tiến được một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 40m², trên đất còn có một khu công trình phụ nhỏ, một giếng nước khoan, một təc dụng nước. Trong giai đoạn này mẹ con bà Ch1 sinh sống ở Gia Lâm không giúp đỡ hay đóng góp gì cho ông Tiến vào việc làm nhà. Tháng 9/2013 ông Tiến mắc bệnh nặng, mẹ con bà Ch1 cũng không chăm sóc hay lo chạy chữa gì cho ông Tiến. Đến đầu năm 2014 thì ông Tiến chết, trước khi chết ông Tiến có để lại di chúc là nhà và đất cho chồng bà là Khúc Văn Ch2. Nay bà Ch1 khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc của ông Khúc Văn Tiến là vô hiệu đồng thời yêu cầu ông Khúc Văn Ch2 phải bàn giao trả lại toàn bộ di sản của ông Khúc Văn Tiến để lại là 135m² đất và nhà ở cấp 4 diện tích 40m², bà không đồng ý với yêu cầu của bà Ch1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Ông Đặng Văn Kh1 trình bày: Ông là người cùng thôn với ông Khúc Văn Ch2. Vào ngày 02/5/2016 (âm lịch) ông Ch2 có vay của ông số tiền 170 triệu đồng, mục đích ông Ch2 hỏi vay theo ông Ch2 nói là để trả nợ cho ông Lưu Văn Trường, việc vay tiền hai bên có ký kết giấy tờ với nhau và ông Ch2 có để lại nhà ông một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Ch1 để làm tin. Việc vay tiền giữa ông và ông Ch2 là tự nguyện, lý do ông đồng ý cho ông Ch2 vay số tiền trên là vì ông Ch2 có đưa cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và kèm theo là bản di chúc có chứng thực của UBND xã PhS. Ông không biết giữa ông Ch2 và bà Ch1 có tranh chấp như thế nào. Nay ông vẫn là người đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Ch1 và quan điểm của ông là nếu ông Ch2 trả nợ xong thì ông sẽ giao trả ông Ch2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Do đây là việc riêng giữa ông và ông Ch2 nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong cùng vụ án này, đồng thời ông từ chối cung cấp các tài liệu, văn bản liên quan đến việc này cho Tòa án. Các vấn đề khác ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Bà Trần Thị Ch3 trình bày: Bà có quan hệ họ hàng với vợ chồng ông Khúc Văn Ch2 và bà Đặng Thị L2. Ngày 25/01/2017 (âm lịch) bà có xin ở nhờ ngôi nhà cấp 4 có diện tích 40m² trên diện tích đất 135m² tại Thôn A, xã PhS do ông Khúc Văn Ch2 là người đang quản lý. Do là người nhà và thấy bà có hoàn cảnh khó khăn về chỗ ở nên ông Ch2 có đồng ý cho bà ở nhờ. Hai bên không ký kết giấy tờ văn bản gì và bà cũng không phải trả khoản tiền thuê nhà nào cho ông Ch2, quá trình ở nhờ bà cũng không cải tạo hay xây dựng thêm công trình gì. Các bên có thỏa thuận khi nào ông Ch2 có việc cần đến nhà thì bà sẽ chuyển đi chỗ

khác. Việc tranh chấp giữa bà Ch1 và ông Ch2 là việc riêng giữa hai bên, bản thân bà không thấy bị ảnh hưởng gì về quyền lợi hay bị thiệt hại gì. Việc giải quyết cho hai bên thế nào đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật.

Người làm chứng:

1. Ông Thân Văn Huy (Phó chủ tịch UBND xã PhS) trình bày: Ông Khúc Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Ch1 kết hôn với nhau từ năm 1991 tại Hà Nội đến ngày 31/10/2012 thì ông bà được Tòa án nhân dân huyện GiL, thành phố Hà Nội giải quyết cho ly hôn. Sau khi ly hôn ông Khúc Văn Tiến chuyển về sinh sống tại Thôn A, xã PhS vì không có nhà riêng để ở nên đã ở nhờ nhà anh trai là Khúc Văn Ch2, một thời gian sau được sự giúp đỡ của anh em trong gia đình anh ông Tiến đã có được một căn nhà riêng (nhà cấp 4 trên phần diện tích đất 135m²) nguồn gốc đất này là ông Tiến nhận chuyển nhượng của anh trai là Khúc Văn Ch2 năm 2002 với giá trị chuyển nhượng bao nhiêu thì địa phương không nắm được. Diện tích đất này đã được UBND huyện LNg cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Khúc Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Ch1 năm 2007. Trên thực tế thời gian đó vợ chồng ông Tiến, bà Ch1 và các con không phải là người Thôn A, xã PhS, và không đăng ký thường trú tại xã PhS. Cuối năm 2012 khi ông Tiến ly hôn bà Ch1 và chuyển đến cư trú ở địa phương thì mới đăng ký thường trú, bà Ch1 và những người con chưa bào giờ đăng ký thường trú tại địa phương. Sau khi ly hôn việc thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông Tiến và bà Ch1 như thế nào thì địa phương không biết. Cuối năm 2013 ông Tiến mắc bệnh nặng phải nhờ anh em trong gia đình giúp đỡ chạy chữa thuốc men, do biết mình sức khỏe yếu khó qua khỏi nên đến ngày 11/02/2014 ông Tiến có nhờ ông Đặng Văn Long là người cùng Thôn A, xã PhS viết hộ bản di chúc với nội dung để lại toàn bộ tài sản gồm diện tích đất 135m², 01 căn nhà cấp 4 diện tích 40m² tại Thôn A, xã PhS cho anh trai là Khúc Văn Ch2.

Ông giữ chức vụ phó Chủ tịch UBND xã PhS từ ngày 31/10/2013 đến nay. Vào ngày 12/02/2014, ông Khúc Văn Tiến có đến UBND xã PhS yêu cầu chứng thực bản di chúc. Việc kiểm tra những giấy tờ liên quan đến việc xin chứng thực giao cho cán bộ tư pháp của UBND xã nên ông không kiểm tra lại các tài liệu, giấy tờ liên quan đến việc ông Khúc Văn Tiến xin chứng thực di chúc. Ông không biết ai là người viết bản di chúc của ông Khúc Văn Tiến, ông không biết ông Đặng Văn Long có phải là người viết hộ ông Tiến bản di chúc này không vì ông không được chứng kiến ông Long viết trước mặt, không được chứng kiến ông Đặng Văn Long ký tên vào bản di chúc đó. Ông khẳng định là không được làm việc trực tiếp với ông Tiến và ông Long tại UBND xã, không được chứng kiến ông Tiến và ông Long ký trước mặt, do đó ông cũng không thể biết được khi ông Tiến lập di chúc này thì ông Tiến có trong trạng thái minh mẫn, sáng suốt hay không, có bị người nào đe dọa, ép buộc hay không, ông chỉ ký chứng thực vào bản di chúc khi cán bộ

tư pháp Đặng Văn Giang đã kiểm tra bản di chúc và viết lời chứng. Theo ông thì theo quy định của pháp luật người xin chứng thực, người viết hộ, người làm chứng phải ký tên trực tiếp tại UBND xã nơi người có thẩm quyền chứng thực chứng nhận cho việc đó, nếu di chúc đã được các bên ký tên từ ở nhà rồi mới mang đến xin chứng thực là không đúng quy định của pháp luật.

2. Ông Đặng Văn Giang (Cán bộ văn phòng UBND xã PhS) trình bày: Khoảng thời gian tháng 02/2014 khi đó ông làm công chức Tư pháp - hộ tịch tại UBND xã PhS. Ông được giao nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp của những giấy tờ liên quan đến chứng thực. Ngày 12/02/2014 ông Khúc Văn Tiến đến UBND xã PhS đề nghị chứng thực bản di chúc, người viết bản di chúc không phải là ông Tiến mà là người khác viết hộ. Ông không biết người viết bản di chúc này cho ông Tiến có phải là ông Đặng Văn Long hay không vì ông không được chứng kiến việc ông Long viết và ký tên vào bản di chúc đó, khi ông Tiến mang di chúc đến thì đã có sẵn chữ ký của ông Long trong mục người làm chứng rồi, tại buổi xin chứng thực di chúc không có mặt ông Long nhưng xác định ông Khúc Văn Tiến có ký tên trước mặt ông tại UBND xã. Ông Giang khẳng định toàn bộ quá trình ông Khúc Văn Tiến đến xin chứng thực di chúc, ông Tiến chỉ được làm việc trực tiếp với ông (Giang) chứ ông Tiến không được làm việc với ông Thân Văn Huy (người chứng thực). Ông là người viết phần lời chứng còn ông Thân Văn Huy là người ký chứng thực di chúc. Quá trình làm việc, tiếp xúc với ông Khúc Văn Tiến nhận thấy ông Tiến minh mẫn, tỉnh táo, nhận biết và giao tiếp bình thường.

3. Ông Đặng Văn Long trình bày: Ông và ông Khúc Văn Ch2 có quan hệ là bạn đồng niên. Vào ngày tháng cụ thể ông không nhớ rõ tình cờ ông có sang nhà ông Ch2 chơi, khi đang ngồi chơi ở nhà ông Ch2 thì ông Ch2 có bảo ông sang nhà ông Tiến là em trai ở gần đó viết hộ một số giấy tờ. Khi sang tới nơi thì ông thấy có ông Tiến, ông Khúc Văn Quân và một người nhưng ông không nhớ tên là gì đang ngồi trong nhà ông Tiến, ông Tiến có nói với ông hoàn cảnh vợ chồng ly hôn, các con không quan tâm chăm sóc, hiện nay ông đang bệnh nặng tất cả đều nhờ cậy vào ông Ch2 là anh trai, nếu may mắn khỏi bệnh thì sẽ làm ăn để lo trả tiền thuốc men cho ông Ch2, nếu không quan khỏi thì cũng nhờ ông Ch2 lo hậu sự, ma chay, cúng giỗ đồng thời ông Tiến có nguyện vọng để lại di chúc cho ông Ch2 toàn bộ tài sản gồm 135 m² đất cùng nhà ở tại Thôn A, xã PhS. Sau đó ông Tiến có nhờ ông viết bản di chúc với nội dung để lại toàn bộ tài sản của ông cho anh trai là ông Khúc Văn Ch2. Ông có nhận lời viết hộ di chúc cho ông Tiến. Lúc này ông Tiến đang bị bệnh gan nằm ở giường nhận thức vẫn bình thường, tỉnh táo. Ông Tiến đọc cho ông viết nội dung bản di chúc, khi viết xong ông có đọc lại toàn bộ nội dung cho ông Tiến nghe và xem bản di chúc, sau đó ông Tiến ký tên vào bản di chúc trước mặt ông, ông cũng ký tên vào mục người làm chứng. Ngoài ông và ông Tiến thì không còn ai khác tham gia ký kết hay bản di chúc này. Sau khi lập xong di

chức thì ngày hôm sau ông Khúc Văn Ch2 có đưa ông Tiến lên UBND xã PhS để chứng thực di chúc. Việc chứng thực di chúc này tại UBND xã thế nào thì ông không biết vì ông không đi cùng lên ủy ban, ông chỉ viết hộ và ký tên làm chứng vào di chúc đó từ tối hôm trước.

4. Ông Lưu Văn Trường trình bày: Giữa ông và ông Khúc Văn Ch2 không có quan hệ họ hàng mà chỉ là hàng xóm, vào khoảng tháng 11/2012 (âm lịch) ông Khúc Văn Ch2 có sang ông nhà đặt vấn đề vay số tiền 80 triệu đồng mục đích để làm nhà cho em trai Khúc Văn Tiến, ông có nhất trí cho ông Ch2 vay số tiền trên, hai bên có viết giấy vay tiền thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng thời hạn thanh toán cả gốc và lãi vào năm 2016. Theo giấy tờ ký kết giữa các bên thì việc giao dịch này chỉ có ông Ch2 thực hiện chứ không liên quan gì đến bà L2 (vợ ông Ch2). Ngày 05/5/2016 ông Khúc Văn Ch2 đã thanh toán cho ông toàn bộ số tiền gốc và lãi nên nay ông không yêu cầu đề nghị gì đối với ông Khúc Văn Ch2. Quá trình sống tại địa phương ông được chứng kiến em trai ông Ch2 là ông Tiến có đi làm thuê, điều kiện sinh sống khó khăn, không có tiền để làm nhà nên có nhờ anh trai là ông Ch2 đi vay tiền về làm nhà để ở. Mẹ con bà Ch1 không phải người địa phương và ông chưa bao giờ thấy mẹ con bà Ch1 sinh sống cùng ông Tiến ở ngôi nhà này.

5. Ông Phạm Văn Thái trình bày: Ông là trưởng Thôn A, xã PhS, vào cuối năm 2012 ông Khúc Văn Tiến có chuyển về Thôn A, Phường Sơn cư trú lý do là vợ chồng ông Tiến và bà Ch1 đã ly hôn. Do chưa có nhà ở riêng nên ông Tiến có ở nhờ nhà ông Ch2 là anh trai. Phần đất ông Tiến nhận chuyển nhượng lại từ ông Ch2 có diện tích 135m² vẫn là đất trống chưa xây dựng công trình gì trên đó. Sau khi ly hôn vợ chồng ông Tiến và bà Ch1 có tự thỏa thuận về tài sản với nội dung bà Ch1 và các con được quản lý sử dụng toàn bộ tài sản và nhà đất ở Hà Nội còn ông Tiến được quản lý sử dụng diện tích đất 135m² tại Thôn A, xã PhS. Khi ông Tiến về địa phương cư trú hoàn cảnh rất khó khăn không có bất cứ tài sản gì ngoài diện tích đất 135m² đã mua của ông Ch2 từ trước. Vợ chồng ông Ch2 vì thương em nên đã vay tiền của anh em, người thân để xây cho ông Tiến một ngôi nhà cấp 4, khoan giếng, mua téc nước để ông Tiến ở và sinh sống, trong giai đoạn này ông Tiến chỉ có một mình độc thân không có ai giúp đỡ ngoài ông Ch2. Toàn bộ chi phí chữa trị bệnh cho ông Tiến và chi phí sau khi ông Tiến mất đi đều do ông Ch2 đứng ra chi trả, bà Ch1 và các con không xuất hiện bao giờ tại địa phương để chăm sóc cũng như lo hậu sự cho ông Tiến. Việc lập di chúc của ông Khúc Văn Tiến cụ thể như thế nào thì ông không được biết đến sau này thì ông có được ông Khúc Văn Ch2 cho xem bản di chúc đó. Nay bà Nguyễn Thị Ch1 khởi kiện đòi tài sản của ông Ch2, quan điểm của ông đề nghị cơ quan căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

6. Ông Khúc Văn Quân trình bày: Ông là em trai của ông Khúc Văn Ch2 và ông Khúc Văn Tiến, ông có được biết ông Tiến trước đây có mua một diện tích đất

của ông Ch2. Cụ thể diện tích đất mà ông Tiến mua lại của ông Ch2 hết bao nhiêu tiền thì ông không biết, trên đất có một ngôi nhà cấp 4 được xây vào thời gian cụ thể ông không nhớ rõ nhưng ông được biết lúc đó ông Khúc Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Ch1 đã ly hôn. Sau khi ly hôn với bà Ch1, ông Tiến quay về Thôn A, xã PhS sinh sống. Toàn bộ chi phí xây dựng căn nhà không liên quan gì đến bà Ch1 cả mà do ông Tiến đi làm thuê và ông Ch2 có đi vay tiền để xây nhà cho ông Tiến, bản thân ông (Quân) có sang giúp ông Tiến đào móng nhà, việc hỗ trợ của ông cho ông Tiến chỉ là công sức chứ không đóng góp tiền bạc gì. Việc xây dựng ngôi nhà cấp 4 này hết bao nhiêu tiền ông không biết. Trong thời gian ông Tiến đến sinh sống và đến khi ông Tiến bị bệnh chỉ có các con ông Tiến lên chăm sóc một vài lần còn chủ yếu là ông Ch2 lo liệu, chạy chữa, chăm sóc cho ông Tiến. Bà Ch1 không thấy lên thăm nom ông Tiến bao giờ. Ông Ch2 có được gia đình chúng tôi hợp giao cho trách nhiệm chạy chữa bệnh và lo mai táng cho anh Tiến. Thời điểm ông Tiến lập bản di chúc lúc đó ông có được nhìn thấy ông Đặng Văn Long viết hộ ông Tiến bản di chúc, ông Long có đọc lại nội dung bản di chúc cho ông Tiến nghe. Ông không ký tên vào bản di chúc đó cũng như không nhớ nội dung bản di chúc nói gì cả, lúc lập di chúc tình trạng sức khỏe của ông Tiến vẫn bình thường, đầu óc vẫn tỉnh táo, minh mẫn để đọc nội dung cho ông Long viết.

7. Ông Nguyễn Văn Tĩnh trình bày: Ông là hàng xóm chứ không có quan hệ họ hàng gì với ông Khúc Văn Ch2. Khoảng tháng 11 - 12/2012 (âm lịch) ông Khúc Văn Ch2 có sang nhà ông đặt vấn đề "Chú muốn xây cái nhà cho Tiến ở" thì ông đồng ý giúp vì ông làm nghề thợ xây. Sau khi nhận lời xây nhà cho ông Ch2, ông có rủ thêm 4 -5 anh em thợ xây đến xây nhà. Toàn bộ vật liệu xây dựng là do ông Ch2 đi mua, trong thời gian xây ngôi nhà này thỉnh thoảng ông có thấy ông Tiến sang xem vì lúc này ông Tiến vẫn đang ở nhờ bên nhà ông Ch2. Thời điểm gần tết âm lịch năm 2012 thì xây xong nhà (khi đó trời đã rét, mọi người phải mặc áo ấm), ông Ch2 là người trực tiếp thanh toán tiền công cho ông và những thợ xây khác. Quá trình xây dựng tại đây ông không thấy ai là vợ, con của ông Tiến đến thăm nom ông Tiến cũng như đến để xem việc xây dựng ngôi nhà này như thế nào.

8. Anh Nguyễn Văn Dũng trình bày: Khoảng cuối năm 2012 (âm lịch) thời gian cụ thể anh không nhớ rõ ông Ch2 có đến nhà anh đặt vấn đề thuê anh khoan cho một chiếc giếng, anh đồng ý làm cho ông Ch2 vì anh làm nghề khoan giếng. Địa điểm được ông Ch2 thuê khoan giếng là ở phía trước cửa của ngôi nhà cấp 4 tại Thôn A, xã PhS. Lúc này ngôi nhà cấp 4 vẫn đang xây dựng chưa xong, giếng được khoan bằng máy nổ (máy chạy dầu), thời gian khoan khoảng từ 4 đến 5 ngày thì xong. Chi phí khoan giếng hết khoảng 4.800.000 đồng vì thời điểm đó chi phí khoan giếng được tính là 80.000 đồng/mét, giếng này khoan sâu khoảng 60m đến 62m. Toàn bộ việc liên hệ khoan giếng và thanh toán chi phí khoan giếng anh chỉ làm việc với ông Ch2, ngoài ra anh không làm việc với ai khác. Anh khẳng

định thời gian khoan giếng thì ngôi nhà cấp 4 vẫn đang xây dựng chưa xong, thời tiết lúc đó đã rét vì đã giáp tết âm lịch, mọi người đã phải mặc áo rét. Anh chỉ đến khoan giếng còn đất và nhà này thuộc quyền quản lý của ai thì anh không biết.

9. Anh Nguyễn Văn Khuê trình bày: Anh và ông Khúc Văn Ch2 chỉ là người cùng thôn, cách đây vài năm (không nhớ rõ ngày tháng năm vì đã lâu rồi) ông Ch2 có đến thuê anh làm trần tôn, ngôi nhà làm trần tôn là một nhà cấp 4 mới xây dựng xong nằm gần nhà chính của ông Ch2 (cách nhà anh Hà), toàn bộ vật liệu sắt thép là do ông Ch2 tự đi mua, anh chỉ được trả công làm, thời gian thi công là 02 ngày, ông Ch2 là người thanh toán tiền công cho anh (khoảng 01 triệu đồng). Toàn bộ việc đặt vấn đề làm trần tôn và thanh toán tiền công là do một mình ông Ch2 đứng ra lo liệu, anh không bao giờ làm việc với ai khác ngoài ông Ch2, thời gian làm trần nhà này anh không thấy vợ, con ông Tiến đến thăm nom ông Tiến.

10. Anh Chu Văn Tồn trình bày: Anh với ông Khúc Văn Ch2 chỉ là người cùng thôn. Khoảng cuối năm 2012 (âm lịch) anh và anh Nguyễn Văn Tỉnh có đến xây nhà cho ông Khúc Văn Ch2. Ngôi nhà được xây là nhà cấp 4 có diện tích khoảng 40m² trên phần đất của ông Khúc Văn Tiến (em trai ông Ch2). Thời gian xây dựng ngôi nhà này khoảng 1 tháng thì xong, thời tiết lúc đó trời lạnh vì đã giáp tết, đã phải mặc áo ấm. Toàn bộ quá trình xây dựng là do ông Khúc Văn Ch2 đứng ra lo liệu, ông Ch2 liên hệ mua vật liệu, gọi thợ xây và là người thanh toán chi phí xây dựng cho thợ. Số tiền chi phí trả cho thợ xây ngôi nhà này là bao nhiêu anh không nhớ cụ thể nhưng khoảng hơn 20 triệu đồng. Trong thời gian xây dựng ngôi nhà này thì ông Khúc Văn Tiến vẫn đang ở nhờ bên nhà ông Ch2, ông Tiến đi làm thuê ở quan xã kiếm sống, vợ con của ông Tiến không có ai đến thăm nom hay chỉ đạo gì việc xây dựng ngôi nhà này.

11. Ông Đinh Văn Hải (trưởng Thôn A, xã PhS) trình bày: Cuối năm 2012 ông giữ chức vụ Phó trưởng Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang ngoài ra ông còn làm nhiệm vụ quản lý điện của thôn. Cuối năm 2012, ông Khúc Văn Tiến đến cư trú tại Thôn A, sổ hộ khẩu chỉ cấp cho một mình ông Tiến. Quá trình xây dựng ngôi nhà cấp 4 của ông Tiến thì ông có được chứng kiến chỉ có một mình ông Khúc Văn Ch2 xây nhà, không thấy mẹ con bà Ch1 xuất hiện ở nhà ông Tiến bao giờ. Do là thợ điện nên ông có lắp điện cho căn nhà của ông Tiến và chứng kiến quá trình xây dựng. Khi ông Tiến chết năm 2014 thì ông là người soạn điều văn, chỉ thấy có một mình ông Ch2 lo mai táng cho ông Tiến, có thấy anh Khúc Văn Ph1 và chị Khúc Thị Hằng H1 lên dự đám.

Ngày 29/6/2017, Hội đồng định giá tài sản đã định giá đối với tài sản đang có tranh chấp là đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 119, diện tích 135m² tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện LNg, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận số AI 652945 (Số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: H05165) ngày 06/6/2007 mang tên chủ sử dụng là hộ ông

Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột, kết quả định giá như sau: - 01 cây vải đường kính tán 3,5 đến 4m x 600.000 đồng = 600.000 đồng.

- 01 cây vải đường kính tán 4,5 đến 5m x 720.000 đồng = 720.000 đồng.

- 01 giếng khoan các đương sự thống nhất giá trị là 4.800.000 đồng.

- 01 bộ bàn ghế kiểu sa lông cải tiến bằng gỗ xà cừ. Các đương sự thống nhất giá trị là 7.000.000 đồng.

- 01 Nhà cấp 4 xây dựng năm 2012, xây cay, lợp ngói broximăng, trần tôn, nền lát gạch men diện tích $42,5\text{m}^2$ x 2.131.000 đồng x 66,65% = 60.363.000 đồng.

- 01 sân bê tông có diện tích $20,7\text{m}^2$ x 85.000 đồng x 75% = 1.320.000 đồng.

- 01 tường xây bằng cay năm 2012 không chất, diện tích $12,4\text{m}^2$ x 127.000 đồng x 50% = 787.000 đồng.

- 01 tường xây bằng cay năm 2015 không chất, diện tích $4,1\text{m}^2$ x 127.000 đồng x 80% = 417.000 đồng.

- 01 mái sân lợp broximăng có khung sắt xây dựng năm 2017 có giá trị là 4.000.000 đồng (sắt và phụ kiện 2.500.000 đồng, tiền công 1.500.000 đồng).

- Đất và diện tích 135m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở, 35m^2 đất trồng cây lâu năm) tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang được các bên đương sự thống nhất giá trị là 200.000.000 đồng.

- 01 khu công trình phụ xây cay có diện tích $12,6\text{m}^2$ x 307.000 đồng x 50% = 1.934.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 281.941.000 đồng.

Ngoài những tài sản đã định giá trên các bên đương sự không yêu cầu định giá tài sản gì khác.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Diện tích đất 135m^2 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang có nguồn gốc là ông Khúc Văn Tiến, vợ là bà Nguyễn Thị Ch1 nhận chuyển nhượng của ông Khúc Văn Ch2, vấn đề này ông Khúc Văn Ch2 cũng đã thừa nhận, mặt khác diện tích đất này đã được UBND huyện LNg cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/6/2007 mang tên chủ sử dụng là hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột. Do vậy căn cứ vào Điều 108 Bộ luật dân sự năm 2005 thì đây là tài sản của hộ gia đình (gồm ông Tiến, bà Ch1, chị H1, anh Ph1). Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử công nhận tài sản này là tài sản chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Chuột.

- Căn cứ Điều 166, 170, 179 Luật đất đai năm 2013 thì việc ông Khúc Văn Ch2 chiếm giữ những tài sản trên của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch1 là vi phạm quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Khúc Văn Ch2 phải bàn giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Chuột, chị Khúc Thị Hằng H1, anh Khúc Văn Ph1 diện tích đất 135m^2 , một nhà cấp 4 diện tích 40m^2 và những tài sản gắn liền với đất.

- Căn cứ các quy định của pháp luật về tài sản thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ bìa đỏ) là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, đây cũng là tài sản của ông Tiến và bà Ch1, việc ông Đặng Văn Kh1 cầm giữ tài sản này là trái pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Khúc Văn Ch2, ông Đặng Văn Kh1 phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Chuột, đề nghị tuyên rõ nếu ông Ch2, ông Kh1 không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch1 thì yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện việc cưỡng chế đối với ông Ch2, ông Kh1.

- Căn cứ Điều 650, 656 Bộ luật dân sự năm 2005 thì di chúc vi phạm về mặt hình thức. Đó là vi phạm về số lượng người làm chứng, trường hợp người để lại di chúc không tự viết được di chúc mà phải nhờ người khác viết hộ di chúc thì phải có hai người làm chứng, ông Đặng Văn Long là người làm chứng nhưng không ký tên vào mặt trước của bản di chúc. Ông Đặng Văn Long không xác nhận chữ ký trong di chúc có phải là chữ ký của ông Tiến không.

- Căn cứ vào Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc di chúc được lập trước, các bên ký tên trước rồi mới đi chứng thực ở UBND xã là không đúng quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực di chúc.

- Di sản của ông Khúc Văn Tiến để lại là tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 109 Bộ luật dân sự 2005, ông Tiến tự định đoạt toàn bộ diện tích đất để lập di chúc cho người khác là không đúng quy định của pháp luật.

Do di chúc vi phạm cả về hình thức và nội dung nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố di chúc của ông Khúc Văn Tiến là vô hiệu.

- Về nhà ở và những tài sản gắn liền với đất theo ông Ch2 trình bày là do ông vay tiền của một số người để tạo dựng lên tài sản này. Nhưng việc vay mượn của ông Tiến không có văn bản gì, chỉ dựa vào lời khai của những người làm chứng là chưa đảm bảo khách quan. Do đó căn cứ vào Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 thì những căn cứ ông Ch2 đưa ra để chứng minh cho quyền sở hữu của mình là không hợp pháp.

Đề nghị: Công nhận di sản của ông Khúc Văn Tiến là tài sản chung của hộ gia đình; Buộc ông Khúc Văn Ch2 trả lại diện tích đất 135m² cùng nhà ở và các tài sản gắn liền với đất; Buộc ông Khúc Văn Ch2, ông Đặng Văn Kh1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng là hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột; Yêu cầu tuyên bố di chúc trái pháp luật.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LNg đã quyết định:

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 155; Điều 157; Điều 165; Điều 200; Điều 202; Điều 228; Điều 271; Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 163, 169, 256, 632, 645, 646, 649, 650, 652, 653, 656, 657, 658, 674, 675, 676, 735 Bộ

luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 28, Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Khúc Thị Hằng H1, anh Khúc Văn Ph1:

Tuyên bố di chúc của ông Khúc Văn Tiến lập ngày 11/02/2014 là không hợp pháp và vô hiệu toàn bộ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Chuột:

- Công nhận bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1) được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) do UBND huyện LNg cấp ngày 06/6/2007 mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột. Cụ thể phần đất bà Ch1 được quyền sử dụng có diện tích 67,5m² tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 119 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang. Có cạnh phía bắc dài 4,5m giáp hành lang giao thông Quốc lộ 31, cạnh phía đông dài 15m giáp đất anh Hà Xuân Hà, cạnh phía tây dài 15m giáp đất chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1, cạnh phía nam dài 4,5m giáp núi. Giá trị phần đất của bà Nguyễn Thị Ch1là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Công nhận bà Nguyễn Thị Ch1được quyền sở hữu 02 cây vải (một cây có đường kính tán 3,5m-4m trị giá 600.000 đồng; một cây đường kính tán 4,5m-5m trị giá 720.000 đồng) tổng trị giá 1.320.000 đồng. Nhưng bà Ch1 phải trích trả chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 mỗi người 330.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1) về việc yêu cầu ông Khúc Văn Ch2 và ông Đặng Văn Kh1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Ch101 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) ngày 06/6/2007 cấp cho hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Khúc Văn Ph1 và chị Khúc Thị Hằng H1:

Công nhận anh Khúc Văn Ph1 và chị Khúc Thị Hằng H1 là đồng thừa kế và cùng được hưởng phần di sản ông Khúc Văn Tiến để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) do UBND huyện LNg cấp ngày 06/6/2007 mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột. Cụ thể phần đất anh Ph1 và chị H1 được quyền sử dụng có diện tích là 67,5m² tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 119 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang. Cạnh phía bắc dài 4,5m giáp hành lang giao thông Quốc lộ 31, cạnh phía đông dài 15m giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Chuột, cạnh phía tây dài 15m giáp

phần đất của anh Khúc Văn Quân, cạnh phía nam dài 4,5m giáp núi. Giá trị phần đất của chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 được hưởng là 100.000.000 đồng (tương đương phần giá trị chị H1 được hưởng là 50.000.000 đồng, anh Ph1 được hưởng là 50.000.000 đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch1 về việc: Kiện đòi tài sản là quyền sở hữu nhà ở cấp 4 có diện tích 40m² và tài sản gắn liền với đất gồm 01 công trình phụ có diện tích 12,6m²; 01 giếng khoan; 01 sân bê tông có diện tích 20,7m²; 01 tường xây cay năm 2012; 01 tường xây cay năm 2015; 01 mái sân lợp broximăng; 01 bộ bàn ghế salon kiểu cải tiến bằng gỗ xà cừ.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập là chị Khúc Thị Hằng H1, anh Khúc Văn Ph1 về việc: Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

7. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Khúc Văn Ch2 về việc: Yêu cầu công nhận di chúc của ông Khúc Văn Tiến lập ngày 11/02/2014 là di chúc hợp pháp và yêu cầu chia thừa kế theo di chúc.

8. Giao cho bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1): Quản lý, sử dụng: Diện tích đất 67,5m² tại thửa số 147, tờ bản đồ số 119 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang. Có cạnh phía bắc dài 4,5m giáp hành lang giao thông Quốc lộ 31, cạnh phía đông dài 15m giáp đất anh Hà Xuân Hà, cạnh phía tây dài 15m giáp phần đất của chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1, cạnh phía nam dài 4,5m giáp núi (có trị giá là 100.000.000 đồng) và bà Nguyễn Thị Ch1 có quyền sở hữu, sử dụng những tài sản trên đất gồm 02 cây vải có tổng trị giá 1.320.000 đồng; Một nhà cấp 4 diện tích 42,5m² lợp ngói broximăng, trần tôn, nền lát gạch men, tường xây cay có trị giá là 60.363.000 đồng; Một công trình phụ có diện tích 12,6m² có trị giá 1.934.000 đồng; 01 giếng khoan có trị giá 4.800.000 đồng; 01 sân bê tông có diện tích 20,7m² có trị giá 1.320.000 đồng; 01 tường xây cay năm 2012 có trị giá 787.000 đồng; 01 tường xây cay năm 2015 có trị giá 417.000 đồng; 01 mái sân lợp broximăng có trị giá 4.000.000 đồng. Buộc ông Khúc Văn Ch2 trả lại cho bà Nguyễn Thị Ch1 những tài sản đã giao trên.

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị Ch1 được hưởng là 174.941.000 đồng. Nhưng bà Nguyễn Thị Ch1 phải trích trả cho ông Khúc Văn Ch2 chi phí tạo dựng nhà ở và những tài sản gắn liền với đất là 73.621.000 đồng và trích trả chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 mỗi người 330.000 đồng.

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1) quản lý, sử dụng phần đất thuộc hành lang giao thông Quốc lộ 31 có diện tích 72m². Cạnh phía bắc dài 4,5m giáp đường Quốc lộ 31, cạnh phía đông dài 16m giáp phần đất hành lang giao thông nhà ông Hà Văn Hà, cạnh phía tây dài 16m giáp phần đất hành lang giao thông của chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1, cạnh phía nam dài 4,5m giáp đất của bà Nguyễn Thị Chuột.

9. Giao cho chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1: Quản lý, sử dụng diện tích đất 67,5m² tại thửa số 147, tờ bản đồ số 119 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang. Có cạnh phía bắc dài 4,5m giáp hành lang giao thông Quốc lộ 31, cạnh phía đông dài 15m giáp đất bà Nguyễn Thị Chuột, cạnh phía tây dài 15m giáp phần đất anh Khúc Văn Quân, cạnh phía nam dài 4,5m giáp núi. Trị giá phần đất chị H1, anh Ph1 được hưởng là **100.000.000** đồng (tương đương phần giá trị chị H1 được hưởng là 50.000.000 đồng, phần giá trị anh Ph1 được hưởng là 50.000.000 đồng). Chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 mỗi người được nhận của bà Nguyễn Thị Ch1330.000 đồng. Buộc ông Khúc Văn Ch2 trả lại chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 tài sản đã giao trên.

Tổng giá trị tài sản chị H1 được nhận là 50.330.000 đồng, anh Ph1 được nhận là 50.330.000 đồng.

Tạm giao cho chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 quản lý, sử dụng phần đất thuộc hành lang giao thông Quốc lộ 31 có diện tích 73m² thuộc Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang có cạnh phía bắc dài 4,5m giáp đường Quốc lộ 31, cạnh phía đông dài 16 m giáp phần đất hành lang giao thông nhà bà Nguyễn Thị Chuột, cạnh phía tây dài 16,1 m giáp phần đất hành lang giao thông nhà anh Khúc Văn Quân; Cạnh phía nam dài 4,5m giáp đất của chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1.

10. Giao cho ông Khúc Văn Ch2 sử dụng: 01 bộ bàn ghế salon kiểu cải tiến bằng gỗ xà cừ có giá trị 7.000.000 đồng (do ông Ch2 đang quản lý). Ông Ch2 được nhận số tiền 73.621.000 đồng từ bà Nguyễn Thị Chuột. Tổng giá trị tài sản ông Khúc Văn Ch2 được nhận là 80.621.000 đồng.

11. Buộc ông Khúc Văn Ch2 và ông Đặng Văn Kh1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Ch101 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) ngày 06/6/2007 cấp cho hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản, Lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 24 /1/2018, bà Nguyễn Thị Ch1là nguyên đơn kháng cáo, ngày 26/1/2018, bà Ch1 nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo đề nghị Toà phúc thẩm giải quyết yêu cầu ông Khúc Văn Ch2 trả lại 01 nhà cấp 4 diện tích 40m² và tài sản gắn liền với đất gồm 01 công trình phụ có diện tích 12,6m²; 01 giếng khoan; 01 sân bê tông có diện tích 20,7m²; 01 bộ bàn ghế salon kiểu cải tiến bằng gỗ xà cừ, để mẹ con bà sở hữu, sử dụng.

Ngày 18/1/2018, ông Khúc Văn Ch2 là bị đơn kháng cáo, ngày 22/1/2018, ông Ch2 nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo đề nghị Toà phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quyết định kháng nghị số: 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 07/2/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện LNg theo thủ tục phúc thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không tạm giao diện tích đất thuộc hành lang giao thông Quốc lộ 31 cho bà Ch1, chị H1 và anh Ph1 quản lý sử dụng.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Ch1 là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, ông Khúc Văn Ch2 là bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không rút Quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ch1 và ông Khúc Văn Ch2. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Chuột, Khúc Văn Ch2, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thì thấy:

[1]. Đối với cáo của bà Nguyễn Thị Ch1 đề nghị Tòa phúc thẩm giải quyết yêu cầu ông Khúc Văn Ch2 trả lại 01 nhà cấp 4 diện tích 40m² và tài sản gắn liền với đất gồm 01 công trình phụ có diện tích 12,6m²; 01 giếng khoan; 01 sân bê tông có diện tích 20,7m²; 01 bộ bàn ghế salon kiểu cải tiến bằng gỗ xà cừ, để mẹ con bà sở hữu, sử dụng, thì thấy:

Theo biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản thì trên diện tích đất 135m² (thửa số 147 tờ bản đồ số 119) tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang (trong đó đất ở tại nông thôn là 100m², đất trồng cây lâu năm 35m²) có một ngôi nhà cấp 4 xây năm 2012 diện tích 42,5m² (lợp broximăng, trần tôn, nền lát gạch men); 01 cây vải có đường kính tán 3,5m-4m; 01 cây vải có đường kính tán 4,5m-5m; 01 giếng khoan; 01 bộ bàn ghế salon cải tiến bằng gỗ xà cừ; 01 sân bê tông diện tích 20,7m²; 01 tường xây năm 2012 bằng cay; 01 tường xây năm 2015 bằng cay; 01 mái sân lợp broximăng khung sắt năm 2017; 01 công trình phụ có diện tích 12,6m² xây năm 2012. Ngoài nhà ở và

những tài sản gắn liền với đất trên thì các đương sự không yêu cầu thẩm định, định giá tài sản nào khác.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Ch1 thì năm 2002 khi vợ chồng bà nhận chuyển nhượng diện tích đất 135m² trên từ ông Khúc Văn Ch2. Khi đó trên đất chưa xây dựng công trình gì, chỉ có 03 cây vải (Hiện nay còn 02 cây theo biên bản định giá). Tháng 7/2012 vợ chồng bà tiến hành mua vật liệu, tháng 9/2012 tiến hành xây nhà cấp 4 trên diện tích đất trên, thời gian xây nhà khoảng 15 ngày thì xong. Việc liên hệ mua vật liệu, thuê thợ xây là do anh Tiến thực hiện nên bà không biết mua vật liệu của ai, thợ xây là ai. Bà chỉ cùng với ông Tiến thanh toán các loại chi phí. Chi phí xây dựng ngôi nhà cấp 4 này cùng với mua sắm một số đồ dùng trong nhà hết 100 triệu đồng (trong đó tiền mua bộ bàn ghế salon 10 triệu đồng, tiền khoan giếng 5 triệu đồng, tiền công thợ xây nhà 28 triệu đồng), toàn bộ chi phí xây dựng và mua sắm đồ dùng trong nhà là tiền do vợ chồng bà và các con Khúc Văn Ph1, Khúc Thị Hằng H1 làm ăn, tích góp được. Sau khi xây nhà xong thì vợ chồng bà có ở với nhau một thời gian ở đây thì mới ra tòa ly hôn.

Theo lời khai của ông Khúc Văn Ch2: Tháng 11/2012 ông Khúc Văn Tiến sau khi ly hôn với bà Ch1 có lên nhà ông xin ở nhờ, ông Tiến có cho ông xem quyết định ly hôn với bà Ch1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy tờ thỏa thuận phân chia tài sản với bà Ch1 (giấy do ông Tiến và Chuột viết với nhau). Ông Tiến ở nhờ nhà ông khoảng 1 tháng 10 ngày, trong thời gian này ông Tiến đi làm thuê bốc vác, bốc gạch, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, mặc dù đã có đất nhưng chưa có tiền làm nhà để ở. Ông Tiến có đặt vấn đề nhờ vợ chồng ông vay tiền để xây nhà cho ông Tiến. Sau khi ông vay được 80 triệu đồng của ông Lưu Văn Trường thì ngày 06/11/2012 (âm lịch) ông khởi công xây dựng nhà cho ông Tiến, đến ngày 16/12/2012 (âm lịch) thì xây xong và ông Tiến chuyển sang ở nhà mới. Toàn bộ chi phí xây dựng ngôi nhà này là 71 triệu đồng do ông đi vay tiền của ông Lưu Văn Trường mà có. Việc liên hệ mua vật liệu, thuê thợ xây, khoan giếng, tất cả do một mình ông lo liệu. Ông Thuê anh Nguyễn Văn Tinh, anh Chu Văn Tồn ở cùng thôn là thợ xây nhà; Mua vác của anh Hồ ở thôn Cầu Từ, xã PhS, thuê anh Nguyễn Văn Dũng ở thôn Từ Xuyên khoan giếng, thuê anh Nguyễn Văn Khuê ở Thôn A làm trần tôn. Ông mua téc đựng nước hết 2.100.000 đồng, trả tiền khoan giếng hết 4.800.000 đồng, mua bộ bàn ghế salon gỗ sà cừ hết 7.000.000 đồng, mua tủ thờ hết 2.000.000 đồng, đóng tiền điện đường, tiền công ích trong thôn cho ông Tiến, tổng cộng cả tiền xây nhà hết 80 triệu đồng. Ông xác nhận hiện nay những tài sản mà ông Khúc Văn Tiến để lại gồm có diện tích đất 135m², một nhà cấp 4 diện tích thực tế 42,5m², 01 bộ bàn ghế salon gỗ xà cừ, 02 cây vải (có từ khi ông bán đất cho ông Tiến), một khu công trình phụ, một giếng khoan, một mái sân lợp broximăng, một sân bê tông, một tường xây vôi năm 2012, một tường xây vôi năm 2015 đúng

như biên bản thẩm định, định giá ngày 29/6/2017, ngoài ra không còn tài sản nào khác trên đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, đối chiếu với lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trên diện tích đất 135m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột) có 02 cây vải (một cây có đường kính tán 3,5m-4m có giá trị 600.000 đồng; một cây đường kính tán 4,5m-5m có giá trị 720.000 đồng), hai cây vải này có từ lúc vợ chồng bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2002. Do là tài sản chung của vợ chồng chưa chia nên cũng cần giải quyết theo nguyên tắc chia đôi, phần giá trị bà Ch1 được hưởng là 660.000 đồng; phần của ông Tiến là 660.000 đồng.

Những tài sản khác trên đất là một nhà cấp 4 diện tích đo thực tế 42,5m², 01 bộ bàn ghế salon gỗ xà cừ, một khu công trình phụ, một giếng khoan, một mái sân lợp broximăng, một sân bê tông, một tường xây cay năm 2012, một tường xây cay năm 2015. Đây xác định không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Ch1 và ông Tiến. Bà Ch1 không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh cho việc bà và ông Tiến xây dựng ngôi nhà này cũng như mua sắm các đồ dùng trong nhà khi bà và ông Tiến chưa ly hôn. Bà không chứng minh được mua vật liệu xây nhà của ai, thợ xây nhà, thợ khoan giếng, người đóng trần nhà là ai, việc thanh toán chi phí cụ thể thế nào, không có ai là người làm chứng cho tất cả những công việc này. Thời gian xây dựng ngôi nhà theo lời khai của bà không phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng trong vụ án cũng như qua xác minh đối với những người dân sống trong khu vực này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xác minh, thu thập xét thấy có đủ căn cứ khẳng định ông Khúc Văn Ch2 là người đã tạo dựng ngôi nhà cấp 4 diện tích 42,5m² cùng những tài sản gắn liền với đất. Toà sơ thẩm xác định những tài sản này không phải tài sản chung của vợ chồng bà Ch1, ông Tiến trong thời kỳ hôn nhân nên không chấp nhận yêu cầu của bà Ch1 về việc công nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên cho bà Ch1 là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Ch1.

[2]. Đối với cáo của ông Khúc Văn Ch2 đề nghị Toà phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ bản án sơ thẩm thì thấy:

Căn cứ vào những tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai của các đương sự đã xác định, nguồn gốc diện tích đất 135m² tại thửa số 147 tờ bản đồ số 119 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang (trong đó đất ở tại nông thôn là 100m², đất trồng cây lâu năm 35m²) là do ông Khúc Văn Ch2 chuyển nhượng lại cho ông Khúc Văn Tiến năm 2002, tại thời điểm chuyển nhượng đất ông Khúc Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Ch1 vẫn đang là vợ chồng. Mặc dù ông Khúc Văn Ch2 cho rằng việc chuyển nhượng diện tích đất này chỉ có một mình ông Tiến đứng ra giao dịch chứ không có bà Ch1 và ông Tiến mới trả được 7 triệu còn 9 triệu xin trả

dân. Xét thấy việc ông Ch2 và ông Tiến chuyển nhượng diện tích đất này cho nhau không có giấy tờ, văn bản gì. Không có căn cứ để chứng minh tài sản này là tài sản riêng của ông Tiến cũng như việc các bên giao nhận tiền cho nhau như thế nào. Mặt khác diện tích đất này đã được UBND huyện LNg cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) ngày 06/6/2007 mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột. Ông Khúc Văn Ch2 khai chính ông là người đi làm các thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông Tiến, bà Ch1. Bản thân bà Nguyễn Thị Ch1 cũng xác nhận diện tích đất 135m² này là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và chưa được phân chia khi vợ chồng bà giải quyết ly hôn năm 2012 tại Tòa án nhân dân huyện GiL, thành phố Hà Nội. Xét thấy diện tích đất 135m² tại thửa số 147 tờ bản đồ số 119 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang (trong đó đất ở tại nông thôn là 100m², đất trồng cây lâu năm 35m²) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) ngày 06/6/2007 mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Ch1 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ch1 và ông Khúc Văn Tiến. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 112/2012/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện GiL, thành phố Hà Nội thì chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân giữa ông Tiến và bà Ch1. Vấn đề tài sản chung của vợ chồng (trong đó có cả phần đất và nhà đang có tranh chấp này) chưa được phân chia.

Ông Khúc Văn Ch2 cho rằng ngày 16/3/2014 ông Tiến chết, trước khi chết, ngày 11/02/2014 ông Khúc Văn Tiến có để lại bản di chúc với nội dung như sau: *"Tôi là chủ sở hữu khối tài sản gồm: Một mảnh đất có diện tích là 135m², một căn nhà cấp bốn có diện tích 40m² thuộc địa phương Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang; Các giấy tờ, chứng từ sở hữu được cơ quan có thẩm quyền cấp gồm một sổ bìa đỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số AI 652954 do UBND huyện LNg cấp ngày 06/6/2007.... Sau khi tôi qua đời tài sản của tôi sẽ được giao lại cho anh trai tôi là Khúc Văn Ch2, sinh ngày 27/12/1965"*. Bản di chúc được soạn thảo theo một mẫu có cả chữ in và chữ viết tay, có chữ ký của người để lại di chúc là Khúc Văn Tiến, chữ ký của người làm chứng và cũng là người trực tiếp viết hộ bản di chúc là ông Đặng Văn Long, có chứng thực của ông Thân Văn Huy - phó chủ tịch UBND xã PhS. Ngoài ra không có ai khác tham gia ký tên vào bản di chúc này.

Căn cứ vào biên bản lấy lời khai của ông Khúc Văn Ch2 và lời khai của người làm chứng ký tên trong bản di chúc; ý kiến cung cấp của ông Thân Văn Huy - Phó Chủ tịch UBND xã PhS thì diện tích đất 135m² tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang mà ông Khúc Văn Tiến để lại di chúc cho ông Khúc Văn Ch2 đã được UBND huyện LNg cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 06/6/2007 cấp cho hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột. Căn cứ vào biên bản

xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ thì, tài sản ông Khúc Văn Tiến di chúc cho ông Khúc Văn Ch2 có diện tích là 135m², có các cạnh Phía Bắc rộng 9m giáp đường Quốc lộ 31; phía nam rộng 9m giáp núi; phía Tây dài 15m giáp đất anh Khúc Văn Quân; phía Đông dài 15m giáp đất anh Hà Xuân Hà. Trên diện tích đất 135m² này có một phần căn nhà cấp 4 lợp broximăng trần tôn diện tích 42,5m², một khu công trình phụ diện tích 12,6m², 02 cây vải; một giếng khoan, một mái sân lợp broximăng, một sân bê tông diện tích 20,7m², một mái sân lợp broximăng khung sắt, một tường xây cay năm 2012, một tường xây cay năm 2015, trong nhà có một bộ bàn ghế salong gỗ xà cừ.

Xét về hình thức của bản di chúc: Căn cứ lời khai của ông Đặng Văn Long thì xác định được như sau: Do ông Khúc Văn Tiến bị bệnh nặng nên sức khỏe yếu, tay run không viết được chữ, nhưng đầu óc ông Tiến vẫn minh mẫn, sáng suốt. Ông Khúc Văn Tiến đã nhờ ông Long là người cùng thôn đến viết hộ bản di chúc. Bản di chúc do ông Đặng Văn Long trực tiếp viết vào hồi 19 giờ 10 phút ngày 11/02/2014, sau khi viết xong ông Long đọc lại cho ông Khúc Văn Tiến nghe lại và thấy ông Tiến nhất trí ký tên vào mục người lập di chúc, sau đó ông Long ký tên vào mục người làm chứng. Ngày hôm sau (tức ngày 12/02/2014) gia đình ông Khúc Văn Ch2 đưa ông Khúc Văn Tiến lên UBND xã PhS để chứng thực di chúc. Ông Đặng Văn Long xác định chỉ được viết hộ bản di chúc và có ký tên vào mục người làm chứng, việc chứng thực tại UBND xã thế nào ông Long không biết vì ông không đi cùng lên UBND xã.

Như vậy xác định hình thức của di chúc này là "Di chúc bằng văn bản có người làm chứng" và "Di chúc bằng văn bản có chứng thực" theo quy định tại Điều 649, Điều 650, Điều 656, Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định "Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc". Ông Khúc Văn Tiến không thể tự mình viết bản di chúc nên phải nhờ ông Đặng Văn Long viết hộ bản di chúc, tuy nhiên chỉ có ông Đặng Văn Long là người làm chứng duy nhất. Như vậy đã là không đủ số lượng người làm chứng theo quy định của pháp luật. Mặt khác ông Đặng Văn Long chỉ ký tên mình vào mục người làm chứng chứ không xác nhận chữ ký của ông Khúc Văn Tiến, do vậy không thể khẳng định chữ ký của ông Khúc Văn Tiến có phải do chính ông Tiến ký ra không. Từ đó khẳng định hình thức di chúc này là trái quy định của pháp luật.

Tại Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về thủ tục lập di chúc cơ quan công chứng hoặc ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì "Người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố.

Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã ký vào bản di chúc". Tuy nhiên qua xác minh ông Thân Văn Huy không phải là người trực tiếp làm việc với các bên đương sự, không chứng kiến ông Khúc Văn Tiến, ông Đặng Văn Long ký tên trước mặt mình. Việc ghi lời chứng là do ông Đặng Văn Giang, cán bộ văn phòng UBND xã PhS viết, ông Huy chỉ ký tên, đóng dấu. Do đó việc chứng thực di chúc của UBND xã PhS là không thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ "Về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch" và không đúng quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy, bản di chúc lập hồi 19 giờ 10 phút ngày 11/02/2014 của ông Khúc Văn Tiến là trái quy định của pháp luật về hình thức di chúc.

Xét về nội dung của di chúc: Tại thời điểm lập di chúc 11/02/2014, diện tích đất 135m² tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang được UBND huyện LNg cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) ngày 06/6/2007 đứng tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Ch1 vẫn đang là tài sản chung chưa phân chia giữa ông Tiến và bà Ch1. Việc ông Khúc Văn Tiến tự định đoạt tài sản vượt quá 1/2 phần tài sản chung của vợ chồng cũng như tự định đoạt tài sản cấp cho hộ gia đình theo quy định tại các Điều 108, Điều 109, Điều 648 Bộ luật dân sự năm 2005 là trái quy định của pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Ch2 trình bày: Trước khi ông Tiến và bà Ch1 ly hôn, hai bên có lập một bản thoả thuận ngày 16/10/2012 với nội dung toàn bộ tài sản vợ chồng sau khi ly hôn ở Gia Lâm, Hà Nội bà Ch1 sở hữu, sử dụng, ông Tiến được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất mà vợ chồng cùng mua được ở LNg, Bắc Giang. Bản thoả thuận cả ông Tiến và bà Ch1 cùng ký tên, bà Ch1 không thừa nhận nội dung cũng như chữ ký, chữ viết trong bản thoả thuận này. Ông Ch2 đề nghị Toà cấp phúc thẩm cho giám định chữ viết, chữ ký của bà Ch1. Toà án đã lập biên bản ấn định thời gian giao nộp chứng cứ với ông Ch2 nhưng ông Ch2 không xuất trình được bản gốc nên không có căn cứ để giám định chữ ký, chữ viết của bà Ch1 được, tại phiên toà phúc thẩm ông Ch2 không đề nghị giám định nữa. Do đó không có cơ sở chấp nhận lời khai của ông Ch2 cho rằng diện tích đất mà vợ chồng cùng mua được ở LNg, Bắc Giang là tài sản riêng của ông Tiến nên khi ông Tiến chết có quyền lập di chúc lại cho ông Ch2 thừa kế tài sản này. Toà sơ thẩm tuyên bố di chúc của ông Khúc Văn Tiến là không hợp pháp và vô hiệu toàn bộ là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Khúc Văn Ch2 về việc tuyên bố di chúc của ông Khúc Văn Tiến là hợp pháp.

Tại phiên toà phúc thẩm bà Ch1, ông Ch2 không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác để bảo vệ cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Ch1 và ông Ch2.

[3]. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị Toà phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Toà án nhân dân huyện LNg, tỉnh Bắc Giang, không tạm giao đất hành lang giao thông cho bà Ch1, anh Ph1, chị H1 quản lý, sử dụng thì thấy: Theo sơ đồ hiện trạng thửa đất (BL 140) thể hiện thửa đất của ông Tiến, bà Ch1 có cạnh phía bắc tiếp giáp với hành lang giao thông đường quốc lộ 31. Phần đất hành lang giao thông tiếp giáp với đất của ông Tiến bà Ch1 có diện tích 145m².

Các đương sự đều không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phần diện tích đất hành lang giao thông. Ông Tiến, bà Ch1 không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao quản lý sử dụng 145m² đất hành lang giao thông. Tại phần nội dung vụ án cũng như phần nhận định của bản án, Tòa sơ thẩm không nêu và nhận định nội dung liên quan đến diện tích đất hành lang giao thông 145m². Nhưng tại phần quyết định của bản án Tòa sơ thẩm giải quyết tạm giao cho bà Ch1, chị H1 và anh Ph1 quản lý và sử dụng 145m² đất thuộc hành lang giao thông Quốc lộ 31.

Việc Tòa sơ thẩm giải quyết tạm giao cho bà Ch1, anh Ph1 và chị H1 quản lý và sử dụng 145m² đất hành lang giao thông là giải quyết ngoài phạm vi yêu cầu của đương sự, không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, sửa án sơ thẩm không tạm giao đất hành lang giao thông cho bà Ch1, anh Ph1, chị H1 quản lý, sử dụng.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Ch1 và ông Ch2 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 148, Điều 157, Điều 165 Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 163, Điều 169, Điều 256, Điều 632, Điều 645, Điều 646, Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 656, Điều 657, Điều 658, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 735 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015. Điều 27, Điều 28, Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2000. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1) và ông Khúc Văn Ch2. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Khúc Thị Hằng H1, anh Khúc Văn Ph1:

Tuyên bố di chúc của ông Khúc Văn Tiến lập ngày 11/02/2014 là không hợp pháp và vô hiệu toàn bộ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Chuột:

- Công nhận bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1) được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) do UBND huyện LNg cấp ngày 06/6/2007 mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột. Cụ thể phần đất bà Ch1 được quyền sử dụng có diện tích 67,5m² tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 119 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang. Có cạnh phía bắc dài 4,5m giáp hành lang giao thông Quốc lộ 31, cạnh phía đông dài 15m giáp đất anh Hà Xuân Hà, cạnh phía tây dài 15m giáp đất chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1, cạnh phía nam dài 4,5m giáp núi. Giá trị phần đất của bà Nguyễn Thị Ch1là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Công nhận bà Nguyễn Thị Ch1được quyền sở hữu 02 cây vải (một cây có đường kính tán 3,5m-4m trị giá 600.000 đồng; một cây đường kính tán 4,5m-5m trị giá 720.000 đồng) có tổng trị giá 1.320.000 đồng. Nhưng bà Ch1 phải trích trả chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 mỗi người 330.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1) về việc yêu cầu ông Khúc Văn Ch2 và ông Đặng Văn Kh1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Ch101 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) ngày 06/6/2007 cấp cho hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Khúc Văn Ph1 và chị Khúc Thị Hằng H1:

Công nhận anh Khúc Văn Ph1 và chị Khúc Thị Hằng H1 là đồng thừa kế và cùng được hưởng phần di sản ông Khúc Văn Tiến để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) do UBND huyện LNg cấp ngày 06/6/2007 mang tên hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột. Cụ thể phần đất anh Ph1 và chị H1 được quyền sử dụng có diện tích là 67,5m² tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 119 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang. Cạnh phía bắc dài 4,5m giáp hành lang giao thông Quốc lộ 31, cạnh phía

đông dài 15m giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Chuột, cạnh phía tây dài 15m giáp phần đất của anh Khúc Văn Quân, cạnh phía nam dài 4,5m giáp núi. Giá trị phần đất của chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 được hưởng là 100.000.000 đồng (tương đương phần giá trị chị H1 được hưởng là 50.000.000 đồng, anh Ph1 được hưởng là 50.000.000 đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch1 về việc: Kiện đòi tài sản là quyền sở hữu nhà ở cấp 4 có diện tích 40m² và tài sản gắn liền với đất gồm 01 công trình phụ có diện tích 12,6m²; 01 giếng khoan; 01 sân bê tông có diện tích 20,7m²; 01 tường xây cay năm 2012; 01 tường xây cay năm 2015; 01 mái sân lợp broximăng; 01 bộ bàn ghế salon kiểu cải tiến bằng gỗ xà cừ.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập là chị Khúc Thị Hằng H1, anh Khúc Văn Ph1 về việc: Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

7. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Khúc Văn Ch2 về việc: Yêu cầu công nhận di chúc của ông Khúc Văn Tiến lập ngày 11/02/2014 là di chúc hợp pháp và yêu cầu chia thừa kế theo di chúc.

8. Giao cho bà Nguyễn Thị Ch1 (tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1): Quản lý, sử dụng: Diện tích đất 67,5m² tại thửa số 147, tờ bản đồ số 119 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang. Có cạnh phía bắc dài 4,5m giáp hành lang giao thông Quốc lộ 31, cạnh phía đông dài 15m giáp đất anh Hà Xuân Hà, cạnh phía tây dài 15m giáp phần đất của chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1, cạnh phía nam dài 4,5m giáp núi (có trị giá là 100.000.000 đồng) và bà Nguyễn Thị Ch1 có quyền sở hữu, sử dụng những tài sản trên đất gồm 02 cây vải có tổng trị giá 1.320.000 đồng; Một nhà cấp 4 diện tích 42,5m² lợp ngói broximăng, trần tôn, nền lát gạch men, tường xây cay có trị giá là 60.363.000 đồng; Một công trình phụ có diện tích 12,6m² có trị giá 1.934.000 đồng; 01 giếng khoan có trị giá 4.800.000 đồng; 01 sân bê tông có diện tích 20,7m² có trị giá 1.320.000 đồng; 01 tường xây cay năm 2012 có trị giá 787.000 đồng; 01 tường xây cay năm 2015 có trị giá 417.000 đồng; 01 mái sân lợp broximăng có trị giá 4.000.000 đồng. Buộc ông Khúc Văn Ch2 trả lại cho bà Nguyễn Thị Ch1 những tài sản đã giao trên.

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị Ch1 được hưởng là 174.941.000 đồng. Nhưng bà Nguyễn Thị Ch1 phải trích trả cho ông Khúc Văn Ch2 chi phí tạo dựng nhà ở và những tài sản gắn liền với đất là 73.621.000 đồng và trích trả chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 mỗi người 330.000 đồng.

9. Giao cho chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1: Quản lý, sử dụng diện tích đất 67,5m² tại thửa số 147, tờ bản đồ số 119 tại Thôn A, xã PhS, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang. Có cạnh phía bắc dài 4,5m giáp hành lang giao thông Quốc lộ 31, cạnh phía đông dài 15m giáp đất bà Nguyễn Thị Chuột, cạnh phía tây dài 15m giáp phần đất anh Khúc Văn Quân, cạnh phía nam dài 4,5m giáp núi. Trị giá phần đất chị H1, anh Ph1 được hưởng là 100.000.000 đồng (tương đương phần giá trị chị H1 được hưởng là 50.000.000 đồng, phần giá trị anh Ph1 được hưởng là 50.000.000 đồng). Chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 mỗi người được nhận của bà

Nguyễn Thị Ch1330.000 đồng. Buộc ông Khúc Văn Ch2 trả lại chị Khúc Thị Hằng H1 và anh Khúc Văn Ph1 tài sản đã giao trên.

Tổng giá trị tài sản chị H1 được nhận là 50.330.000 đồng, anh Ph1 được nhận là 50.330.000 đồng.

10. Giao cho ông Khúc Văn Ch2 sử dụng: 01 bộ bàn ghế salon kiểu cải tiến bằng gỗ xà cừ có giá trị 7.000.000 đồng (do ông Ch2 đang quản lý). Ông Ch2 được nhận số tiền 73.621.000 đồng từ bà Nguyễn Thị Chuột. Tổng giá trị tài sản ông Khúc Văn Ch2 được nhận là 80.621.000 đồng.

11. Buộc ông Khúc Văn Ch2 và ông Đặng Văn Kh1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Ch101 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 652954 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05165) ngày 06/6/2007 cấp cho hộ ông Khúc Văn Tiến, vợ là Nguyễn Thị Chuột.

12. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ch1(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ph1) và ông Khúc Văn Ch2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Ch1 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số: AA/2016/0003233 ngày 26/01/2018. Hoàn trả ông Ch2 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số: AA/2016/0003226 ngày 22/01/2018, đều tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LNg, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện LNg;
- Chi cục THADS LNg;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Gia Lương